

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **141/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 30-11-2021

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Danh
Bà Lê Thị Thanh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Ông Nguyễn Duy Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 258/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lưu Thị T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: số 18A, tổ 3, khu S1, thị trấn T1, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Ông Tăng Thanh S, sinh năm 1977.

Địa chỉ: số 18A, tổ 3, khu S1, thị trấn T1, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

(*Đương sự vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lưu Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông S tự nguyện đi đến kết hôn, được UBND thị trấn T1, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 224 ngày 23/10/2003.

Sau thời gian chung sống tôi nhận thấy chúng tôi có nhiều quan điểm bất đồng và không thể dung hoà với nhau được nữa. Nay tôi làm đơn ly hôn yêu cầu Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Thanh S.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Tăng Thị D, sinh ngày 18/3/2007. Ly hôn tôi yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Tôi có khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất số 782, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại ấp 5, xã S2, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai và căn nhà tọa lạc trên thửa đất số 118, tờ bản đồ số 69 thị trấn T1, tỉnh Đồng Nai.

Trong quá trình giải quyết vụ án giữa tôi và ông Tăng Thanh S đã tự thỏa thuận với nhau về việc chia tài sản chung. Nên vào ngày 09/11/2021 tôi xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa, việc rút đơn khởi kiện về chia tài sản chung của tôi là hoàn toàn tự nguyện.

Về nợ chung: Không có.

- Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Tăng Thanh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà T tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T1, huyện Long Thành vào năm 2003.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không thống nhất được với nhau về mọi vấn đề trong cuộc sống; vợ chồng không nói chuyện được với nhau, nên không trao đổi và không chia sẻ được với nhau mọi vấn đề. Hiện nay hai chúng tôi vẫn chung sống một nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau. Bà bà Lưu Thị T xin ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Tăng Thị D, sinh ngày 18/3/2007. Ly hôn tôi đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng, tôi đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Chúng tôi có 01 con chung là Tăng Thị D, sinh ngày 18/3/2007.

Về tài sản chung: Bà T có khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất số 782, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại ấp 5, xã S2, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai và căn nhà tọa lạc trên thửa đất số 118, tờ bản đồ số 69 thị trấn T1, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình giải quyết vụ án giữa tôi và bà T đã tự thỏa thuận với nhau về việc phân chia tài sản chung. Vào ngày 09/11/2021 bà T rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa thì tôi đồng ý.

Về nợ chung: Không có.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị T.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Thị T được ly hôn với ông Tăng Thanh S.

+ Về con chung: Giao con chung Tăng Thị D, sinh ngày 18/3/2007 cho bà Lưu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Tăng Thanh S phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng.

+ Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của nguyên đơn.

+ Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn theo quy định. Ông S phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lưu Thị T và bị đơn ông Tăng Thanh S có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông S.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Thị T và bị đơn ông Tăng Thanh S tự nguyện đăng ký kết hôn, được UBND thị trấn T1, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 224 ngày 23/10/2003. Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, xác định hôn nhân giữa bà Lưu Thị T và bị đơn ông Tăng Thanh S là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với lý do tình trạng hôn nhân giữa bà và ông S là trầm trọng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống. Bị đơn ông S thừa nhận tình trạng hôn nhân của hai người theo như bà T trình bày, ông S đồng ý ly hôn với bà T.

Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau, không muốn hàn gắn đoàn tụ cũng như cả hai đều có nguyện vọng ly hôn.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị T về việc xin ly hôn với ông Tăng Thanh S.

[3.2] Về con chung:

Bà T và ông S đã thống nhất giao con chung Tăng Thị D, sinh ngày 18/3/2007 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận giao con chung cho bà T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông S đã thống nhất thỏa thuận ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Lưu Thị T khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất số 782, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại ấp 5, xã S2, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai và căn nhà tọa lạc trên thửa đất số 118, tờ bản đồ số 69 thị trấn T1, tỉnh Đồng Nai. Vào ngày 09/11/2021 bà T có đơn rút yêu cầu khởi kiện, việc rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của bà T là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu đương sự đã rút.

[3.4] Về nợ chung: Bà T, ông S đều xác định không có nợ chung, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Lưu Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định.

Ông Tăng Thanh S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Do bà Lưu Thị T đã rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, nên được trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 218, 238, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lưu Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Thị T được ly hôn với ông Tăng Thanh S.

2. Về con chung: Giao con chung Tăng Thị D, sinh ngày 18/3/2007 cho bà Lưu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Tăng Thanh S có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Tăng Thanh S phải cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng.

Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị T về chia tài sản chung.

4. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lưu Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình. Số tiền 25.300.000 đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp, theo Biên lai thu số 0005083 ngày 02/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành được trừ vào tiền án phí bà T phải chịu. Bà T đã nộp xong.

Hoàn trả cho bà Lưu Thị T số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) còn lại, theo Biên lai thu số 0005083 ngày 02/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Hoàn trả cho bà Lưu Thị T số tiền 12.200.000đ (Mười hai triệu hai trăm ngàn đồng), theo Biên lai thu số 0005210 ngày 28/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Danh Lê Thị Thanh Nguyệt

Phạm Ngọc Quyền

--

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã Phước Bình;
- Lưu.

Phạm Ngọc Quyền

